

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2018
QUỸ ETF VFMVN30 (E1VFN30)
THÔNG QUA BẢNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẢNG VĂN BẢN

- Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016;
- Thông tư số 229/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được thông qua ngày 13/04/2018;
- Căn cứ vào kết quả biểu quyết của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo Biên bản kiểm phiếu ngày 04/04/2019.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2018

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2018 như sau:

- Kết thúc ngày 31/12/2018, giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 đạt 14,095.6 đồng, giảm 12.5% so với giá trị đầu năm so với chỉ số tổng thu nhập VN30 có mức giảm cùng kỳ 10.9%.
- Mức sai lệch (Tracking Error) giữa Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 ở mức thấp 0.13%. Mức chênh lệch về tăng trưởng của Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 đạt -1.6%.
- Vào tháng Một và tháng Bảy năm 2018, Quỹ ETF VFMVN30 đã thực hiện việc cơ cấu danh mục đầu tư. Trung bình mỗi năm tổng giá trị mua và giá trị bán cho việc tái cơ cấu danh mục chiếm khoảng 42.8% tổng giá trị danh mục.
- Trong năm 2018, tổng số huy động ròng của Quỹ ETF VFMVN30 đạt gần 2,000 tỷ đồng nâng tổng số chứng chỉ Quỹ lên 295,6 triệu chứng chỉ quỹ (số chứng chỉ quỹ tăng hơn 1.7 lần so với năm 2017, gấp 6 lần so với năm 2016).



- Giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm 2018 tăng hơn 1.5 lần so với năm 2017. Sự tăng trưởng về giá trị tài sản ròng trong năm 2018 đến từ sự tham gia đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ.

Điều 2: Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Quỹ

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Quỹ.

Điều 3: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Mục tiêu hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tổng hợp VN30 (chỉ số bao gồm cộng gộp cả cổ tức) cho nên Quỹ ETF VFMVN30 đề xuất năm 2018 Quỹ sẽ không thực hiện phân phối lợi nhuận nhằm tránh làm tăng mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.

Điều 4: Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2019

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2019 như sau:

Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ tiếp tục tập trung những điểm chính như sau:

- Theo dõi và cập nhật diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu (nếu có) để có giải pháp quản lý danh mục mô phỏng đạt hiệu quả.
- Nghiên cứu các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả khi chỉ số tham chiếu thay đổi định kỳ.

Điều 5: Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2019

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2019.

Điều 6: Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2019 của Ban đại diện quỹ

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ dự kiến trong năm 2019, cụ thể như sau:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2019	Thực tế 2018	% tăng/giảm
<i>I</i>	<i>Thu lao</i>	<i>58,500,000</i>	<i>58,500,000</i>	<i>0%</i>
<i>II</i>	<i>Chi phí đi lại</i>	-	-	
1	Chi phí vé máy bay	-	-	
2	Chi phí khách sạn	-	-	
3	Chi phí đưa rước	-	-	
<i>III</i>	<i>Chi phí khác (Phòng họp...)</i>	-	-	<i>0%</i>
	Tổng cộng	58,500,000	58,500,000	0%

(% tăng/ giảm : là tỷ lệ % ngân sách mới 2019 được lập tăng/giảm so với thực tế 2018)

Ghi chú:

- Ngân sách 2019 được lập trên cơ sở sau:
 - Tất cả các số lần họp Ban Đại Diện được tổ chức qua conference call hoặc bằng văn bản
- Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện 2019 trên sẽ dùng cho 3 thành viên và 1 thư ký, với chi tiết thù lao của các thành viên BDD vẫn giữ nguyên như sau:
 - Chủ tịch BDD: Thù lao 2 triệu đồng/tháng
 - Thành viên BDD: Thù lao 1 triệu đồng/tháng
 - Thư ký BDD: Thù lao 500 nghìn đồng/tháng
- Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

Điều 7: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30, cụ thể như sau:

7.1. Điều chỉnh, bổ sung phần “Các định nghĩa”: điều chỉnh cho phù hợp quy định pháp luật.

“Giá dịch vụ”	Sau đây có thể gọi là <i>Phí</i>.
“Giá dịch vụ phát hành” hay gọi là <i>“Phí phát hành”</i>	Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
“Giá dịch vụ mua lại” hay gọi là <i>“Phí mua lại”</i>	Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ mua lại này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.

7.2. Điều chỉnh Điều 54. Phân phối lợi nhuận: Điều chỉnh phù hợp quy định pháp luật

“ Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, quỹ ETF VFMVN30 sẽ không phân phối lợi nhuận.
2. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- ~~1. Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty quản lý quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi~~

tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư.

2. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại phần này;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Mức chi trả lợi tức do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại Điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

3. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa các điều kiện sau:

- Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
- Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của quỹ trong quá trình hoạt động.
- Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).
- Đáp ứng nguyên tắc chi trả cổ tức của Quỹ nêu tại khoản 2 Điều này.

4. Công ty quản lý quỹ được phân chia cổ tức Quỹ khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

5. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do nhà đầu tư chịu.

6. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ.

7.3. Điều chỉnh Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: Thay đổi phí “ Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (INAV)” và Điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.

” Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,65% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF VFMVN30.
 - Số **phí-giá dịch vụ** trả hàng tháng là tổng số **phí-giá dịch vụ** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - Công thức tính **phí-giá dịch vụ** quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Phí-Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,65% giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
 - Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì **phí-giá dịch vụ** quản lý quỹ là tổng số **phí-giá dịch vụ** tại các kỳ định giá trong tháng.
2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát
- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số **phí-giá dịch vụ** trả hàng tháng là tổng số **phí-giá dịch vụ** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - Giá dịch vụ giám sát là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có)).
 - Giá dịch vụ lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm. Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
 - Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v....
 - Công thức tính **phí-giá dịch vụ** giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Phí-Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
 - Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký là tổng số giá dịch vụ tại các kỳ định giá trong tháng.
3. **Chi-phí** Giá dịch vụ quản trị quỹ
- **Phí** Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức **phí-giá dịch vụ** do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
 - **Phí** Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))
 - Số **phí-giá dịch vụ** trả hàng tháng là tổng số **phí-giá dịch vụ** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - Công thức tính **phí-giá** dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Phí Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % **Phí** Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
 - Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì **phí** giá dịch vụ quản trị quỹ tổng số **phí-giá dịch vụ** tại các kỳ định giá trong tháng.

Tổng giá dịch vụ Giám sát, Lưu ký, **phí giá** dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)) trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức giá dịch vụ ~~phí~~ tối thiểu này là 50 triệu/tháng.

Tổng giá dịch vụ Giám sát, Lưu ký, **phí giá** dịch vụ Quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/ bình quân gia quyền/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có))

Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

4. **Chi phí Giá** dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- **Phí Giá** dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền /năm. **Phí-Giá dịch vụ** này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng để thực hiện các dịch vụ đại lý chuyển nhượng được nêu tại Điều lệ của Quỹ ETF VFMVN30. Mức **phí-giá dịch vụ** chi tiết sẽ được thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, và công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức phí áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ. **Phí-Giá** dịch vụ đại lý chuyển nhượng áp dụng cho giai đoạn ngay sau khi quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo cho Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng giám sát và cập nhật trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trước kỳ định giá đầu tiên.

- Mức **phí-giá** dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế giá trị tăng (nếu có)).

- Công thức tính **phí-giá** dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Phí-Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng = Mức **phí-giá** dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá

- Mức **phí-giá dịch vụ** và phương pháp thanh toán **phí-giá dịch vụ** được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

5. **Phí-Giá dịch vụ** trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- **Phí-Giá dịch vụ** quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). **Phí-Giá dịch vụ** này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

~~Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu sẽ ưu đãi phí này là 0 đồng từ ngày Quỹ được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập đến ngày được quy định trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.~~

- Công thức tính **phí-giá dịch vụ** quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí-Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % **phí-giá dịch vụ** trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (năm) x

NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì **phí-giá dịch vụ** trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là tổng số **phí-giá dịch vụ** tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức **phí-giá dịch vụ, thời gian áp dụng** và phương pháp thanh toán **phí-giá dịch vụ** được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

6. Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (INAV)

- Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu tối đa là 0,025% NAV bình quân gia quyền /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu sẽ ưu đãi phí này là 0 đồng từ ngày quỹ được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập đến ngày được quy định trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

- Công thức tính **phí-giá dịch vụ** cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí-Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % **phí-giá dịch vụ** trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì **phí-giá dịch vụ** trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu là tổng số **phí-giá dịch vụ** tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức **phí-giá dịch vụ, thời gian áp dụng** và phương pháp thanh toán **phí-giá dịch vụ** được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu

7. Các loại phí, **giá dịch vụ** và lệ phí khác

- **Phí-Giá dịch vụ** giao dịch, bao gồm **chí-phí giá dịch vụ** môi giới, **phí-giá dịch vụ** chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí, **giá dịch vụ** trả cho dịch vụ khác hoặc phí, **giá dịch vụ** trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).

...

- Thuế, phí, **giá dịch vụ**, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;

...”

7.4. Bổ sung Điều 62 - Đăng ký điều lệ: cập nhật đăng ký điều lệ.

“ Điều 62. Đăng ký điều lệ

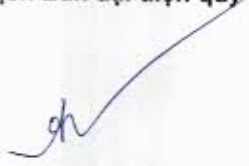
...

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ năm bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 của Quỹ ETF VFMVN30 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 04/04/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/04/2019”

Điều 8: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. Đại hội nhà đầu tư
Chủ tịch Ban đại diện quỹ



NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ

Đại diện Công ty quản lý quỹ

Tổng Giám đốc



TRẦN THANH TÂN

